

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2022/DS-ST

Ngày: 20 -6 -2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2022/QĐ-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Hồng L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 33A, đường 30/4, lầu 30.07, chung cư Lapen, Phường 9, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

Người đại diện hợp pháp của bà L: ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1998, địa chỉ: 10/6 LLQ, phường 2, thành phố VT, tỉnh BR-VT là người đại diện theo giấy ủy quyền chứng thực số 32 ngày 07/1/2022.

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim L1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 176 NKKN, phường TT, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh BR-VT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc H, địa chỉ cư trú: số nhà A1415, chung cư 199 đường NKKN, phường 3, thành phố VT, tỉnh BR-VT; địa chỉ liên lạc: 10/6 LLQ, phường 2, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

- Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: số 105/4A, đường số 9, phường 9, quận GV, thành phố HCM.

- Bà Nguyễn Thị X; địa chỉ: số 74/2 BQL, Phường 12, quận GV, thành phố HCM.

(Đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Đ có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Hồng L và đại diện hợp pháp của bà L - ông Nguyễn Thành Đ trình bày:

Năm 2017, bà Đỗ Hồng L quen biết bà Trần Thị Kim L1 qua việc mua yến đảo. Sau một thời gian, bà L1 đề nghị vay tiền để kinh doanh yến đảo và làm một số việc cá nhân nên bà L cho bà L1 vay tổng cộng là 9.900.000.000đồng. Cụ thể:

- Ngày 29/01/2019, bà L1 vay 1.500.000.000đồng có lập “giấy mượn tiền”.

- Ngày 19/4/2019, bà L1 vay 1.000.000.000đồng, trong đó bà L đưa trực tiếp cho bà L1 500.000.000đồng không viết giấy tờ biên nhận, 500.000.000đồng bà L đưa bà L1 thông qua việc nhờ em chồng là bà Nguyễn Thị X gửi trực tiếp vào tài khoản của bà L1.

- Ngày 04/3/2019, bà L1 vay 1.000.000.000đồng; ngày 22/5/2019 bà L1 vay 2.000.000.000đồng; ngày 30/5/2019 bà L1 vay 2.000.000.000đồng; Ngày 20/6/2019, bà L1 vay 2.400.000.000đồng. Các khoản tiền này là do bà L vay của bà Nguyễn Thị D và nhờ bà D chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của bà L1 cho thuận tiện.

Trong tất cả các khoản vay trên, chỉ có khoản vay 1.500.000.000đồng có lập “giấy mượn tiền” không ghi lãi nhưng bà L1 hứa trả lãi là 1%/tháng, việc trả lãi sẽ cộng dồn khi trả tiền gốc. Các khoản còn lại là vay tạm nên không lập giấy mượn tiền, không thỏa thuận lãi và giao tiền qua hình thức chuyển khoản.

Bà L1 đã trả cho bà L số tiền 5.000.000.000đồng bằng việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản bà D; còn nợ lại số tiền 4.900.000.000đ (bốn tỷ chín trăm triệu đồng) gồm các khoản 1.500.000.000đồng (có giấy biên nhận), 500.000.000đồng (không có giấy biên nhận), 500.000.000đồng (bà X chuyển khoản), 2.400.000.000đồng (bà D chuyển khoản) và chưa trả tiền lãi như đã thỏa thuận.

Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà L1 trả các khoản tiền còn thiếu nhưng bà L1 chỉ hứa hẹn và tránh mặt bà L. Vì vậy, bà L có đơn tố cáo bà L1 gửi cơ quan Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được trả lời là quan hệ dân sự. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà L1 có trách nhiệm trả cho bà số tiền 4.900.000.000đồng (bốn tỷ chín trăm triệu đồng).

Ngày 20-5-2022, người đại diện hợp pháp của bà L - ông Nguyễn Thành Đ có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 500.000.000đồng mà bà

L trình bày đã đưa trực tiếp cho bà L1 ngày 19-4-2019 không viết giấy tờ biên nhận; yêu cầu bà L1 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 4.400.000.000đồng (bốn tỷ bốn trăm triệu đồng).

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Kim L1 trình bày:

Bà thừa nhận việc bà L cho bà vay tiền là đúng. Tuy nhiên, bà L cho rằng, bà còn thiếu bà L số tiền 4.900.000.000đồng là không đúng, vì bà đã trả tiền nợ cho bà L trực tiếp bằng tiền mặt theo định kỳ 03 ngày/01 lần gồm tiền gốc và lãi (lãi 5%/ngày) tại trụ sở Công ty trách nhiệm hữu hạn yển Hoàng Hạc của bà. Mỗi lần trả tiền, bà luôn yêu cầu bà L đưa lại biên nhận nhưng bà L nói để quên và về hủy sau. Do tin tưởng nên bà không tiếp tục yêu cầu bà L đưa lại các biên nhận mà bà đã trả tiền. Khi bà trả tiền cũng đôi lúc có nhân viên công ty là bà Võ Thị Mỹ Hà, Trần Thị Hạnh chứng kiến hoặc có khi bà Hà đi cùng bà L ra ngân hàng để nộp tiền chuyển khoản cho bà D, X nhưng các nhân viên này không biết cụ thể là tiền gì. Bà xác định chỉ còn nợ lại bà L số tiền 150.000.000đồng. Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của bà L, bà không đồng ý, chỉ thừa nhận còn nợ bà L số tiền 150.000.000đồng, bà không có chứng cứ gì nộp cho Tòa án; không yêu cầu Tòa án triệu tập ai là người làm chứng cho bà; không có yêu cầu độc lập hay phản tố với ai trong vụ án. Do bà đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên bà đề nghị được giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ông là chồng bà L, việc cho bà L1 vay tiền là vấn đề cá nhân giữa bà L với bà L1. Ông đồng ý với tất cả các ý kiến trình bày, yêu cầu khởi kiện của bà L và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà là em chồng bà L. Khoảng tháng 4 năm 2019, bà cho bà L vay số tiền 500.000.000đồng, bà L yêu cầu bà chuyển khoản cho số tài khoản 241892879 của bà Trần Thị Kim L1 tại ngân hàng ACB - chi nhánh Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên bà giao tiền cho bà L vay bằng việc chuyển khoản như bà L yêu cầu. Bà không biết bà L1 là ai, việc bà L cho bà L1 vay tiền như thế nào bà không biết, bà không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của bà L, việc bà cho bà L vay sẽ do hai bên tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và bà L quen biết nhau từ lâu và nhận nhau là mẹ nuôi, con nuôi. Năm 2019, bà L có nhu cầu vay tiền để làm ăn với bà L1 nên bà cho bà L vay số tiền tổng cộng là 7.400.000.000đồng. Bà L yêu cầu bà chuyển khoản trực tiếp vào số tài khoản 050047286929 của bà Trần Thị Kim L1 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín cho thuận tiện nên bà giao tiền cho bà L vay bằng việc

chuyển khoản như bà L yêu cầu với số tiền và 04 lần chuyển khoản vào các ngày 04/3/2019; 22/5/2019; 30/5/2019; 20/6/2019 như bà L trình bày. Bà không biết bà L1 là ai, việc bà L cho bà L1 vay tiền như thế nào bà không biết, bà không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của bà L, việc bà cho bà L vay sẽ do hai bên tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn, bị đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày, giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện ở giai đoạn trước khi xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và tiến hành các thủ tục tổng đạt đối với các đương sự theo đúng quy định nhưng đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các chứng cứ có trong vụ án; xét thấy bị đơn không thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền như nguyên đơn yêu cầu nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; đình chỉ một phần đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt. Do đó, căn cứ

khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung:

Xét lời trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà L cho bà L1 vay nhiều lần tổng cộng là 9.900.000.000đồng. Cụ thể: Ngày 29/01/2019, cho vay 1.500.000.000đồng có lập “giấy mượn tiền”; Ngày 19/4/2019, cho vay 1.000.000.000đồng trong đó bà L đưa trực tiếp cho bà L1 500.000.000đồng không viết giấy tờ biên nhận, 500.000.000đồng bà L đưa bà L1 bằng hình thức nhờ em chồng là bà Nguyễn Thị X gửi trực tiếp vào tài khoản của bà L1; Ngày 04/3/2019, cho vay 1.000.000.000đồng; ngày 22/5/2019 cho vay 2.000.000.000đồng; ngày 30/5/2019 cho vay 2.000.000.000đồng; ngày 20/6/2019, cho vay 2.400.000.000đồng và các khoản tiền này là do bà L vay của bà Nguyễn Thị D, nhờ bà D chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của bà L1. Bà L1 đã trả cho bà L số tiền 5.000.000.000đồng bằng việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản bà D nên số tiền còn nợ là 4.900.000.000đồng. Bà L yêu cầu bà L1 có trách nhiệm trả cho bà 4.900.000.000đồng (bốn tỷ chín trăm triệu đồng).

Ngày 20-5-2022, người đại diện hợp pháp của bà L - ông Nguyễn Thành Đ có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 500.000.000đồng bà L đưa trực tiếp cho bà L1 ngày 19/4/2019 không viết giấy tờ biên nhận; yêu cầu bà L1 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 4.400.000.000đồng (bốn tỷ bốn trăm triệu đồng). Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn, vì vậy căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử không xem xét chứng cứ, ý kiến của các bên về nội dung này, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền nợ 500.000.000đồng cho vay ngày 19/4/2019, không viết giấy tờ biên nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị X có ý kiến xác nhận đã chuyển khoản cho bà L1 các khoản tiền như nguyên đơn trình bày; các khoản tiền này là do bà L vay của bà D, bà X và nhờ chuyển khoản trực tiếp cho bà L1.

Chứng cứ về việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền là: biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 14/4/2020; lệnh thanh toán số tiền 1.000.000.000đồng ngày 04/3/2019; lệnh thanh toán số tiền 2.000.000.000đồng ngày 22/5/2019; lệnh thanh toán số tiền 2.000.000.000đồng ngày 30/5/2019; lệnh thanh toán số tiền 2.400.000.000đồng ngày 20/6/2019. Các chứng cứ này phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị X và được bị đơn thừa nhận nên căn cứ điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định bà L cho bà L1 vay số tiền 9.400.000.000đồng gồm các khoản 1.500.000.000đồng ngày 29/01/2019, 500.000.000đồng (do bà X chuyển khoản) ngày 19/4/2019, 1.000.000.000đồng ngày 04/3/2019, 2.000.000.000đồng ngày 22/5/2019, 2.000.000.000đồng ngày 30/5/2019 và 2.400.000.000đồng ngày 20/6/2019.

Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền

5.000.000.000đồng; bị đơn thừa nhận chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng do bị đơn đã trả tiền nợ cho nguyên đơn trực tiếp bằng tiền mặt theo định kỳ 03 ngày/01 lần gồm tiền gốc và lãi (lãi 5%/ngày).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc bị đơn làm đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ nếu bị đơn không thể thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn theo khoản 5 Điều 70, điểm e khoản 1 Điều 97, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn xác định không có tài liệu, chứng cứ nộp cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, không có cơ sở để Hội đồng xem xét lời trình bày của bị đơn. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 4.400.000.000đồng là có cơ sở, phù hợp theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 147, 228, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Hồng L về việc yêu cầu bà Trần Thị Kim L1 trả số tiền 500.000.000đồng (*năm trăm triệu đồng*).
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Hồng L.

Buộc bà Trần Thị Kim L1 trả cho bà Đỗ Hồng L số tiền 4.400.000.000đồng (*bốn tỷ bốn trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim L1 phải chịu 112.400.000đ (*một trăm mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Hồng L không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả cho bà L số tiền 56.450.000đồng (*năm mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001661 ngày 12-01-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trà My